**Định hướng**

**Cách dạy học sinh làm một số dạng bài cơ bản thường gặp trong thi cử.**

*C¸c em häc sinh th©n mÕn!*

D¹ng bµi t×m, ph©n tÝch t¸c dông cña biÖn ph¸p tu tõ trong th¬ v¨n vèn rÊt quen thuéc, th­êng ®­îc sö dông trong kiÓm tra, thi cö. §Ó lµm tèt d¹ng bµi nµy, c¸c em cÇn n¾m ®­îc c¸c biÖn ph¸p tu tõ vµ vËn dông c¸c b­íc nh­ sau:

**A, Dạng bài về biện pháp tu từ**

**I. Cần nắm vững các phép tu từ đã học:**

**1. C¸c phÐp tu tõ tõ vùng:**

***a. So s¸nh.***

- Kh¸i niÖm: **So s¸nh** lµ ®èi chiÕu sù vËt, sù viÖc nµy víi sù vËt, sù viÖc kh¸c cã nÐt t­¬ng ®ång lµm t¨ng søc gîi h×nh, gîi c¶m cho sù diÔn ®¹t.

- C¸c kiÓu so s¸nh:

+ Ngang b»ng

+ Kh«ng ngang b»ng

- T¸c dông

+ Gîi h×nh ¶nh

+ ThÓ hiÖn t­ t­ëng t×nh c¶m

- M« h×nh cÊu t¹o ®Çy ®ñ cña mét phÐp so s¸nh gåm:

-VÕ A( Nªu tªn sù vËt sù viÖc ®­îc so s¸nh);

- VÕ B( Nªu tªn sù vËt sù dïng ®Ó so s¸nh víi SV,SV nãi ë vÕ A);

- Tõ ng÷ chØ ph­¬ng diÖn so s¸nh;

- Tõ ng÷ chØ ý so s¸nh ( Gäi t¾t lµ tõ so s¸nh)

\* Trong thùc tÕ , m« h×nh cÊu t¹o nãi trªn cã thÓ biÕn ®æi Ýt nhiÒu:

- C¸c tõ ng÷ chØ ph­¬ng diÖn so s¸nh vµ chØ ý so s¸nh cã thÓ ®­îc l­îc bít.

- VÕ B cã thÓ ®¶o lªn tr­íc vÕ A cïng víi tõ so s¸nh.

***b. Nh©n hãa:***

- Kh¸i niÖm: Nh©n ho¸ lµ gäi, hoÆc t¶ con vËt, c©y cèi, ®å vËt,... b»ng nh÷ng tõ ng÷ vèn ®­îc dïng ®Ó gäi hoÆc t¶ con ng­êi; lµm cho thÕ giíi loµi vËt, c©y cèi, ®å vËt,... trë nªn gÇn gòi víi con ng­êi, biÓu thÞ ®­îc nh÷ng suy nghÜ, t×nh c¶m cña con ng­êi.

- C¸c kiÓu nh©n hãa

Cã 3 kiÓu nh©n ho¸ th­êng gÆp :

+ Dïng nh÷ng tõ vèn gäi ng­êi ®Ó gäi vËt.

+ Dïng nh÷ng tõ vèn chØ ho¹t ®éng, tÝch chÊt cña con ng­êi ®Ó chØ ho¹t ®éng, tÝch chÊt cña vËt.

+Trß chuyÖn, x­ng h« víi vËt nh­ ®èi víi ng­êi.

***c. Èn dô.***

- Kh¸i niÖm : Èn dô lµ gäi tªn sù vËt, hiÖn t­îng nµy b»ng tªn sù vËt, hiÖn t­îng kh¸c cã nÐt t­­¬ng ®ång víi nã nh»m t¨ng søc gîi h×nh, gîi c¶m cho sù diÔn ®¹t.

- C¸c kiÓu Èn dô:

+ Èn dô h×nh thøc: dùa vµo sù t­¬ng ®ång vÒ h×nh thøc gi÷a c¸c sù vËt, hiÖn t­îng.

+ Èn dô c¸ch thøc: dùa vµo sù t­¬ng ®ång vÒ c¸ch thøc thùc hiÖn hµnh ®éng.

+ Èn dô phÈm chÊt: dùa vµo sù t­¬ng ®ång vÒ phÈm chÊt gi÷a c¸c sù vËt, hiÖn t­­îng.

+ Èn dô chuyÓn ®æi c¶m gi¸c: dùa vµo sù t­¬ng ®ång c¶m gi¸c.

***d. Ho¸n dô:***

**-** Kh¸i niÖm**:** Ho¸n dô lµ gäi tªn sù vËt, hiÖn t­îng, kh¸i niÖm nµy b»ng tªn cña 1 sù vËt, hiÖn t­îng, kh¸i niÖm kh¸c cã quan hÖ gÇn gòi víi nã.

- C¸c kiÓu ho¸n dô: Cã 4 kiÓu ho¸n dô th­êng gÆp:

- LÊy 1 bé phËn ®Ó gäi toµn thÓ.

- LÊy vËt chøa ®ùng ®Ó gäi vËt bÞ chøa ®ùng.

- LÊy dÊu hiÖu cña sù vËt ®Ó gäi sù vËt.

- LÊy c¸i cô thÓ - gäi c¸i trõu t­îng.

***e. Nãi qu¸***

- Kh¸i niÖm: Nãi qu¸ lµ biÖn ph¸p tu tõ phãng ®¹i møc ®é , qui m« tÝnh chÊt cña sô vËt, hiÖn t­îng ®­îc miªu t¶ ®Ó nhÊn m¹nh g©y Ên t­îng t¨ng søc biÓu c¶m.

- Tªn gäi kh¸c: ThËm x­ng, c­êng ®iÖu, phãng ®¹i, ngoa dô

***g. Nãi gi¶m nãi tr¸nh***

- Kh¸i niÖm: Nãi gi¶m, nãi tr¸nh lµ 1 biÖn ph¸p tu tõ dïng c¸ch diÔn ®¹t tÕ nhÞ, uyÓn chuyÓn tr¸nh g©y c¶m gi¸c qu¸ ®au buån, ghª sî, nÆng nÒ, tr¸nh th« tôc, thiÕu lÞch sù.

- C¸ch thùc hiÖn nãi gi¶m, nãi tr¸nh

+ Dïng c¸c tõ ®ång nghi· (®b lµ tõ HV)

+ Dïng c¸ch nãi phñ ®Þnh tõ ng÷ tr¸i nghÜa

+ Nãi vßng

+ Nãi trèng (tØnh l­îc)

***h. Ch¬i ch÷***

- Kh¸i niÖm: Lµ BPNT lîi dông ®Æc s¾c ©m, vÒ nghÜa cña tõ ®Ó t¹o s¾c th¸i dÝ dám, hµi h­íc… lµm c©u v¨n hÊp dÉn, thó vÞ.

- C¸c lèi ch¬i ch÷

Cã nhiÒu lèi ch¬i ch÷

+ Dïng tõ ®ång ©m: nh÷ng tõ cã ©m gièng nhau.

+ Dïng lèi nãi tr¹i ©m, gÇn ©m: nh÷ng tõ cã ©m gÇn gièng nhau.

+ Dïng c¸ch ®iÖp ©m: c¸c phô ©m ®Çu ®­îc lÆp l¹i liªn tôc

Méng mÞ mái mßn mai mét mét

MÜ miÒu may m¾n mÊy mµ m¬.( Tó Mì)

+ Dïng lèi nãi l¸i : §¸nh tr¸o phô ©m ®Çu vµ phÇn vµn gi÷a c¸c tiÕng ®Ó t¹o nªn tõ ng÷ kh¸c

VD: khi ®i **c­a ngän**, khi vÒ còng **c­a ngän**

+ Dïng tõ ®ång ©m

+ Dïng tõ tr¸i nghÜa, ®ång nghÜa, gÇn nghÜa

+ Ch¬i ch÷ ®­îc sö dông trong cuéc sèng th­êng ngµy, trong v¨n th¬, ®Æc biÖt lµ trong th¬ v¨n trµo phóng, c©u ®èi, c©u ®è…

**2. C¸c phÐp tu tõ có ph¸p:**

***a. §iÖp ng÷.***

- Kh¸i niÖm:Lµ biÖn ph¸p lÆp l¹i tõ ng÷ hoÆc c¶ mét c©u trong v¨n th¬.

- T¸c dông : lµm næi bËt ý, g©y c¶m xóc m¹nh.T¹o cho c©u v¨n c©u th¬, §V , ®o¹n th¬ giµu ©m ®iÖu, giäng v¨n trë nªn tha thiÕt, nhÞp nhµng hoÆc hµo hïng m¹nh mÏ, nhiÒu rung c¶m, gîi c¶m.

- C¸c d¹ng ®iÖp ng÷

+ §iÖp ng÷ c¸ch qu·ng: C¸c tõ ng÷, c¸c c©u ®­îc lÆp l¹i c¸ch qu·ng nhau.

+ §iÖp ng÷ nèi tiÕp: C¸c tõ ng÷, c¸c c©u ®­îc lÆp l¹i liÒn nhau, nèi tiÕp nhau.

+ §iÖp vßng trßn( §N chuyÓn tiÕp)

LÆp tõ ng÷ cuèi c©u tr­íc vµ ®Çu c©u sau.

***b. LiÖt kª.***

- Kh¸i niÖm: LiÖt kª lµ s¾p xÕp hµng lo¹t tõ hay côm tõ cïng lo¹i ®Ó diÔn t¶ ®­îc ®Çy ®ñ h¬n, s©u s¾c h¬n nh÷ng khÝa c¹nh kh¸c nhau cña thùc tÕ hay cña t­ t­ëng, t×nh c¶m.

- C¸c kiÓu liÖt kª:

- XÐt theo cÊu t¹o:

+ LiÖt kª theo tõng cÆp

+ LiÖt kª kh«ng theo tõng cÆp.

- XÐt theo ý nghÜa:

+ LiÖt kª t¨ng tiÕn.

+ LiÖt kª kh«ng t¨ng tiÕn.

***c. C©u hái tu tõ:***

***-*** Kh¸i niÖm: lµ c©u vÒ h×nh thøc lµ c©u hái mµ vÒ thùc chÊt lµ c©u kh¶ng ®Þnh hoÆc phñ ®Þnh cã c¶m xóc.

- T¸c dông: t¨ng c­êng tÝnh diÔn c¶m cña ph¸t ng«n.

***d. §¶o ng÷:***

- Kh¸i niÖm: thay ®æi trËt tù b×nh th­êng cña c¸c thµnh phÇn c©u, c¸c thµnh tè cña côm tõ.

- T¸c dông: nhÊn m¹nh ý diÔn ®¹t vµ lµm t¨ng tÝnh gîi h×nh, gîi c¶m cho c©u v¨n, c©u th¬

**II. Cách làm bài:**

**Bước 1:**

+ Đọc kĩ đề, gạch chân các từ ngữ quan trọng để xác định rõ yêu cầu của đề bài.

+ Tìm nội dung chính của câu, đoạn văn thơ chứa phép tu từ.

**Bước 2:**

+ Tìm những phép tu từ được sử dụng trong câu, đoạn thơ văn.

+ Xác định từ ngữ có phép tu từ đó.

( Ví dụ: ẩn dụ được thể hiện ở từ, cụm từ nào? Nhân hoá thể hiện ở từ ngữ nào?)

**Bước 3:**

+ Chỉ ra tác dụng của biện pháp tu từ trong việc thể hiện nội dung tư tưởng của đoạn văn, thơ.

+ Trong đó, phân tích kĩ biện pháp nào là hay, đặc sắc nhất, gợi nhiều ấn tượng, cảm xúc cho người đọc.

Vận dụng vốn sống, vốn cảm thụ của bản thân về Ngữ văn liên quan đến nội dung văn bản và kiến thức về biện pháp tu từ để phân tích, trình bày những suy nghĩ, liên tưởng cảm nhận của riêng mình về giá trị biểu đạt, biểu cảm....của biện pháp tu từ, hiệu quả việc sử dụng các phép tu từ của tác giả để diễn đạt thành công một nội dung cụ thể nào đó trong văn bản.

**Chú ý:** Có thể đặt các câu hỏi để tìm ý như sau:

*Nếu câu, đoạn văn thơ sử dụng phép so sánh:*

- Tác giả so sánh sự vật, hiện tượng nào với sự vật hiện tượng nào? Giữa hai đối tượng có nét gì giống nhau? (nét tương đồng).

- Phép so sánh có tác dụng gì trong việc miêu tả sự vật, sự việc: làm cho sự vật, sự việc hiện lên cụ thể sinh động như thế nào?

So sánh có tác dụng gì trong việc thể hiện tư tưởng tình cảm của người viết, trong việc khơi gợi liên tưởng, tưởng tượng hay tình cảm, cảm xúc nơi người đọc.

- So sánh trong câu, đoạn văn thơ ấy hay, độc đáo, đặc sắc, mới lạ ở chỗ nào?

*Nếu câu, đoạn thơ văn sử dụng phép nhân hóa:*

- Biện pháp nhân hóa làm cho sự việc, hiện tượng vốn không phải là người trở nên giống người như thế nào?

- Nhân hóa còn khiến cho sự vật, hiện tượng không phải là người trở nên sống động, gần gũi với con người ra sao?

- Nhân hóa giúp câu, đoạn thơ (văn) biểu thị những suy nghĩ, tư tưởng, tình cảm gì của con người?

- Biện pháp nhân hóa được tác giả sử dụng hay, đặc sắc ở chỗ nào?

*Nếu câu, đoạn thơ văn sử dụng phép ẩn dụ:*

Trước hết cần hiểu ẩn dụ là so sánh ngầm, trong đó ẩn đi sự vật, hiện tượng được so sánh (vế A), phương diện so sánh, từ so sánh; chỉ còn lại sự vật, hiện tượng để so sánh (vế B).

- Từ ngữ dùng theo phép ẩn dụ (B) để chỉ sự vật hiện tượng hay khái niệm nào(A)?

- Tìm mối quan hệ (nét tương đồng) giữa sự vật, hiện tượng được biểu thị(A) và sự vật hiện tượng được nêu ra(B)?

- Phép ẩn dụ giúp câu, đoạn thơ (văn) có tính hàm súc, gợi hình ảnh, tăng sức biểu cảm như thế nào?

- Nét độc đáo, đặc sắc, mới lạ .... của phép ẩn dụ được sử dụng trong bài?

*Nếu câu, đoạn thơ văn sử dụng phép hoán dụ:*

- Từ ngữ dùng theo phép hoán dụ dùng để thay thế cho sự vật, hiện tượng nào? Dựa trên mối quan hệ gần gũi nào?

- Hoán dụ tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt như thế nào?

- Cách sử dụng phép hoán dụ có gì mới lạ, đặc sắc?

*Nếu câu đọan sử dụng phép điệp ngữ:*

- Từ, cụm từ...nào được lặp lại, lặp lại mấy lần.

- Điệp ngữ có tác dụng nhấn mạnh ý như thế nào: ĐN nối tiếp tạo ấn tượng mới mẻ có tính chất tăng tiến; ĐN cách quãng gây ấn tượng nổi bật; ĐN vòng làm cho câu văn, câu thơ liền như đợt sóng.

- Điệp ngữ giúp câu văn, thơ thêm cân đối, nhịp nhàng, hài hòa, có nhịp điệu, làm nổi bật từ ngữ quan trọng, khiến sự diễn đạt sâu sắc thấm thía, có sức thuyết phục mạnh.

*Nếu câu, đoạn sử dụng phép chơi chữ:*

- Chơi chữ ở từ, cụm từ nào, theo lối nào?

- Chơi chữ có tác dụng tạo sắc thái dí dỏm, hài hước, hoặc tạo cách hiểu bất ngờ, thú vị như thế nào?

*Nếu câu, đoạn sử dụng phép liệt kê:*

- Liệt kê có tác dụng nêu lên sự phong phú đa dạng, phức tạp của sự vật hiện tượng như thế nào? .

*Nếu câu, đoạn sử dụng phép tương phản:*

- Tương phản thể hiện ở từ ngữ nào? Đó là những hành động, những cảnh tượng, hay những tính cách trái ngược nhau?

- Tương phản làm nổi bật bản chất của đối tượng, hay làm nổi bật một ý tưởng, hoặc tư tưởng của tác phẩm?

*Nếu câu, đoạn sử dụng phép nói quá:*

- Phép nói quá đã phóng đại mức độ, qui mô, tính chất của sự vật, sự việc, hay hiện tượng ?

- Phép nói quá nhằm nhấn mạnh điều gì? tăng sức biểu cảm như thế nào?

*Nếu câu, đoạn sử dụng phép nói giảm, nói tránh:*

- Từ ngữ nào được dùng theo phép nói giảm, nói tránh?

- Nói giảm, nói tránh dùng để giảm nhẹ mức độ khi phải đề cập đến những chuyện đau buồn, ghê sợ hay để biểu lộ thái độ lịch thiệp, tránh thô tục?

*Nếu câu, đoạn sử dụng câu hỏi tu từ:*

- Câu hỏi tu từ nhằm để khẳng định hay phủ định?

- Câu hỏi tu từ dùng để biểu lộ tâm tư hay tình cảm, cảm xúc?

**Bước 4:**

Viết đoạn văn, hoặc bài văn ngắn phân tích tác dụng của biện pháp tu từ.

***Hình thức***: Trình bày thành một đoạn văn hay bài văn tùy theo yêu cầu của đề.

\* Viết đoạn văn:

Đoạn văn có thể được triển khai theo một trong các cách mà các em đã học: diễn dịch, qui nạp, tổng- phân - hợp...

\* Viết bài văn ngắn:

Bài văn ngắn có bố cục ba phần: Mở bài, thân bài, kết bài.

***Cách viết***

*a,* *Mở đoạn (hoặc mở bài)*: Giới thiệu đoạn văn thơ có chứa phép tu từ, nội dung chính của đoạn.

( Có thể viết 1 đến 2 câu)

*b, Phát triển đoạn( hoặc thân bài):*

Gồm các câu tiếp theo, số câu tùy người viết hoặc theo yêu cầu của đề bài.

- Chỉ ra, phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ trong việc thể hiện nội dung tư tưởng của đoạn thơ(văn). Làm theo gợi ý ở bước 2, 3 .

- Có thể so sánh, liên tưởng với những trường hợp tương tự khác để thấy rõ hơn nét riêng, độc đáo, sáng tạo của tác giả trong văn bản đó.

*c, Kết đoạn(hoặc kết bài):*

Khẳng định lại giá trị của các biện pháp tu từ trong đoạn thơ (văn), ấn tượng, cảm xúc của người viết.

(Có thể viết 1 đến 2, 3 câu tùy đó là đoạn hay bài)

**III. Ví dụ minh họa:**

**1. Lớp 6**

Viết đoạn văn phân tích tác dụng của phép nhân hóa trong đoạn thơ sau:

*“Ông trời*

*Mặc áo giáp đen*

*Ra trận*

*Muôn nghìn cây mía*

*Múa gươm*

*Kiến*

*Hành quân*

*Đầy đường”*

( Mưa - Trần Đăng Khoa - Ngữ văn 6 tập 2 trang 78)

**Bước 1**. Đọc, xác định nội dung chính của đoạn thơ: Cảnh vật khi trời sắp mưa.

**Bước 2**. Xác định phép tu từ:

Các sự vật được nhân hóa:

-Bầu trời được gọi là “*ông*”, có hành động “ *mặc áo giáp*”, “*ra trận*”.

- Mía “*múa gươm*”.

- Kiến “*hành quân*”.

**Bước 3**. Phân tích tác dụng:

- Biện pháp nhân hóa kết hợp với sự liên tưởng, tưởng tượng phong phú đó tỏi hiện cảnh trời sắp mưa ở làng quê giống như cảnh tượng một cuộc ra trận của con người với khí thế mạnh mẽ, khẩn trương:

+ Bầu trời đầy mây đen trở thành vị tướng mặc áo giáp đen đang dẫn quân xuất trận.

+ Vườn mía với muôn nghìn cây lá dài, sắc nhọn quay cuồng, ngả nghiêng trong gió được hình dung thành những lưỡi gươm khua lên trong tay các chiến sĩ của một đội quân đang múa gươm, chuẩn bị ra trận.

+ Kiến đi tránh mưa từng hàng dài, có hàng lối thành đoàn quân đang hành quân vội vã.

Phép nhân hóa cùng sức tưởng tượng và khả năng liên tưởng độc đáo của nhà thơ trẻ khiến cho cảnh vật thiên nhiên bình dị ở làng quê trở nên sống động, có hồn, gần gũi với con người. Đoạn thơ cho thấy cách cảm nhận thiên nhiên hồn nhiên tinh tế, trong sáng, rất trẻ thơ của tác giả, qua đó khơi gợi tình yêu thiên nhiên làng quê, yêu cuộc sống nơi bạn đọc.

**Bước 4**. Viết đoạn văn .

Với học sinh lớp 6 cần hướng dẫn để các em hiểu cách viết một đoạn văn đơn giản đó là cần có câu mở đoạn hoặc có cả câu kết đoạn; đoạn văn được bắt đầu bằng chữ cái viết hoa lùi đầu dòng và kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng.

Đoạn văn minh họa: Đoạn văn viết trong bài kiểm tra Tiếng Việt 45 phút của học sinh trường THCS 2 Thị trấn Thanh Ba.

“ Bài thơ *Mưa* của Trần Đăng Khoa là một tác phẩm hay và độc đáo.Trong bài thơ có một đoạn mà em rất thích:

*“Ông trời*

*Mặc áo giáp đen*

*Ra trận*

*Muôn ngàn cây mía*

*Múa gươm*

*Kiến*

*Hành quân*

*Đầy đường”*

Biện pháp tu từ nhân hóa đã được tác giả sử dụng nhiều, khá độc đáo trong đoạn thơ. Trần Đăng Khoa đã nhân hóa bầu trời đầy mây đen thành một vị tướng oai phong *“mặc áo giáp đen”* dẫn quân xuất trận. Vườn mía muôn ngàn cây với những lá mía nhọn, dài ngả nghiêng theo gió biến thành đội quân đông đảo đang *“múa gươm”* tập luyện. Những con kiến nhỏ đi tránh mưa thành hàng dài nhờ phép nhân hóa bỗng trở thành những người lính đang *“hành quân”* vội vã ra chiến trận. Đọc đoạn thơ, em hình dung cảnh vật ở làng quê khi trời sắp mưa chẳng khác nào một cuộc chiến đấu với khí thế mạnh mẽ và khẩn trương. Nhờ phép nhân hóa và sự liên tưởng độc đáo của tác giả mà sự vật bình dị, quen thuộc ở làng quê quanh ta trở nên sống động, có hồn, gần gũi và mang dáng dấp con người. Đoạn thơ hay đã thể hiện tình cảm yêu mến, gắn bó với thiên nhiên cùng tài quan sát, trí tưởng tượng phong phú của nhà thơ. ”

*(Phạm Thị Thanh Quyên - học sinh lớp 6A1 năm học 2010-2011)*

1. **Bµi tËp trong ch­¬ng tr×nh ng÷ v¨n líp 6:**

**Bµi 1:**ViÕt ®o¹n v¨n ph©n tÝch hiÖu qu¶ cña biÖn ph¸p tu tõ ®­îc sö dông trong ®o¹n th¬ sau : “Anh ®éi viªn m¬ mµng

Nh­ n»m trong giÊc méng

Bãng B¸c cao lång léng

Êm h¬n ngän löa hång”

*( §ªm nay B¸c kh«ng ngñ - Minh HuÖ)*

\* Gîi ý:

HS chØ ra vµ ph©n tÝch râ ®­îc hiÖu qu¶, t¸c dông cña biÖn ph¸p tu tõ so s¸nh t¸c gi¶ dïng trong ®o¹n th¬.

- X¸c ®Þnh ®­îc néi dung cña ®o¹n: T©m tr¹ng cña anh ®éi viªn khi ®­îc ë bªn B¸c, ®­îc B¸c yªu th­¬ng ch¨m sãc.

- X¸c ®Þnh phÐp tu tõ , ph©n tÝch ®­îc t¸c dông:

+ HS chØ ra ®­îc phÐp tu tõ qua hai h×nh ¶nh so s¸nh qua c¸c tõ ng÷ so s¸nh “nh­, h¬n”

+ Ph©n tÝch ®­îc t¸c dông cña c¸ch so s¸nh Êy trong sù diÔn ®¹t ý th¬ . Cô thÓ:

\*So s¸nh thø nhÊt: ( 2 c©u tr­íc) Dùa vµo sù t­¬ng ®ång ( sù gièng nhau) gi÷a t©m tr¹ng m¬ mµng víi ng­êi n»m m¬ mét giÊc méng ®Ó diÔn t¶ sù ng¹c nhiªn ngì ngµng cïng niÒm h¹nh phóc , niÒm vui s­íng lín lao cña anh ®éi viªn khi ®­îc B¸c ch¨m sãc yªu th­¬ng, anh t­ëng nh­ ®ã lµ mét giÊc m¬.

\*So s¸nh thø hai: ( Hai c©u sau) T¸c gi¶ sö dông tõ ng÷ so s¸nh cã tÝnh chÊt h¬n kÐm: *Bãng B¸c cao lång léng, Êm* ***h¬n*** *ngän löa hång.* §©y lµ mét so s¸nh hay, ch©n thùc, gîi c¶m diÔn t¶ t×nh yªu th­¬ng bao la cña B¸c dµnh cho bé ®éi d©n c«ng thËt nång Êm h¬n c¶ ngän löa hång trong ®ªm khuya gi¸ rÐt ë chiÕn khu ViÖt B¾c.

=> Hai h×nh ¶nh so s¸nh gãp phÇn kh¼ng ®Þnh niÒm h¹nh phóc, lßng vui s­íng cña anh ®éi viªn khi ®­îc ë bªn B¸c, ®­îc B¸c yªu th­¬ng ch¨m chót. Qua ®ã ng­êi ®äc cßn c¶m nhËn ®ù¬c tÊm lßng biÕt ¬n, c¶m phôc, kÝnh yªu cña anh ®èi víi B¸c. §ã còng lµ tÊm lßng cña c¶ d©n téc ®èi víi vÞ l·nh tô suèt ®êi quªn m×nh v× d©n v× n­íc.

**Bµi 2:** Cho c©u v¨n sau: ***“Däc s«ng, nh÷ng chßm cæ thô d¸ng m·nh liÖt ®øng trÇm ng©m lÆng nh×n xuèng n­íc”.*** ( V­ît th¸c – Vâ Qu¶ng)

Em h·y cho biÕt c©u v¨n trªn sö dông phÐp tu tõ g×? PhÐp tu tõ ®ã gióp em c¶m nhËn thÕ nµo vÒ c¶nh ®­îc t¶?

\* Gîi ý:

- C©u v¨n sö dông phÐp tu tõ nh©n hãa : dïng nh÷ng tõ ng÷ t¶ ng­êi: *d¸ng m·nh liÖt, ®øng trÇm ng©m, lÆng nh×n xuèng n­íc* ®Ó gîi t¶ nh÷ng c©y cæ thô ven s«ng.

- PhÐp nh©n hãa ®· t¸i hiÖn ch©n thùc sinh ®éng h×nh ¶nh nh÷ng c©y cæ thô ven bê s«ng Thu Bån. Nh÷ng chßm cæ thô g¾n bã víi cuéc sèng con ng­êi võa giµ nua tuæi t¸c võa v÷ng vµng, tõng tr¶i nh­ nh­ nh÷ng cô giµ cao tuæi. Nh÷ng chßm cæ thô d¸ng m·nh liÖt ®øng trÇm ng©m lÆng nh×n xuèng n­íc khi ch­a ®Õn th¸c ch¼ng kh¸c nµo ng­êi giµ tõng tr¶i, lo l¾ng, dâi theo mçi con thuyÒn ®i qua vµ cÈn träng suy ngÉm vÒ søc m¹nh cña con ng­êi tr­íc thö th¸ch. D¸ng vÎ ®ã cßn ngÇm dù b¸o vÒ nh÷ng th¸c d÷ hiÓm nguy ®ang ®îi chê phÝa tr­íc cho nh÷ng con thuyÒn.

**Bµi 3:** Ph©n tÝch t¸c dông c¸c phÐp tu tõ ®­îc sö dôngtrong ®o¹n v¨n sau:

“ MÆt trêi nhó lªn dÇn dÇn, råi lªn cho k× hÕt.Trßn trÜnh, phóc hËu nh­ lßng ®á mét qu¶ trøng thiªn nhiªn ®Çy ®Æn. Qu¶ trøng hång hµo th¨m th¼m vµ ®­êng bÖ ®Æt lªn mét m©m b¹c ®­êng kÝnh m©m réng b»ng c¶ mét c¸i ch©n trêi mµu ngäc trai n­íc biÓn öng hång.Y nh­ mét m©m lÔ phÈm tiÕn ra tõ trong b×nh minh ®Ó mõng cho sù tr­êng thä cña tÊt c¶ nh÷ng ng­êi chµi l­íi trªn mu«n thuë biÓn §«ng. Vµi chiÕc nh¹n mïa thu chao ®i chao l¹i trªn m©m bÓ s¸ng dÇn lªn c¸i chÊt b¹c nÐn. Mét con h¶i ©u bay ngang, lµ lµ nhÞp c¸nh.” (C« T« - NguyÔn Tu©n)

***\* Gîi ý:***

+ BiÖn ph¸p so s¸nh : mÆt trêi mäc trªn biÓn- trßn trÜnh, phóc hËu nh­ lßng ®á mét qu¶ trøng thiªn nhiªn ®Çy ®Æn-> H×nh ¶nh so s¸nh ®Æc s¾c, rÊt gÇn gòi ch©n thùc -> gióp ng­êi ®äc võa thÊy ®­îc h×nh d¸ng trßn trÜnh, phóc hËu võa h×nh dung ®­îc mµu s¾c ®á t­¬i, rùc rì, hång hµo th¨m th¼m, kÝch th­íc k× vÜ cña qu¶ trøng thiªn nhiªn.

+ Èn dô: m©m b¹c ( mÆt biÓn) -> gîi h×nh d¸ng, mµu s¾c cña biÓn khi mÆt trêi mäc, kÝch th­íc k× vÜ cña thiªn nhiªn.

+ So s¸nh: C¶nh mÆt trêi mäc ( trøng hång – m©m b¹c) – m©m lÔ phÈm -> gióp ng­êi ®äc h×nh dung ®­îc nghi lÔ cña b÷a ®¹i tiÖc mang tÇm vãc vò trô. Sù so s¸nh võa ®óng víi c¶nh mÆt trêi mäc võa gîi sù trang träng, uy nghi cña thiªn nhiªn biÓn c¶.

-> ThÓ hiÖn sù giao c¶m lín cña nhµ v¨n víi thiªn nhiªn vò trô, t×nh c¶m yªu mÕn, tr©n träng ng­êi lao ®éng -> kh¬i gîi t×nh yªu thiªn nhiªn ®Êt n­íc.

**Bµi 1:**

Chỉ ra giá trị diễn đạt của phép so sánh trong việc làm nên cái hay của bài th¬ sau:

Trên trời mây trắng như bông,

Ở dưới cánh đồng bông trắng như mây.

Hỡi cô má đỏ hây hây,

Đội bông như thể đội mây về làng.

( M©y vµ b«ng – Ng« V¨n Phó)

**\* Gîi ý:**

+ Chỉ ra được các hình ảnh so sánh:

- “ mây trắng như bông”

- “bông trắng như mây”

- “ đội bông thể đội mây về làng”.

+ Chỉ ra được giá trị diễn đạt của phép so sánh:

- So sánh ngược chiều: mây như bông, bông như mây => gợi màu trắng bạt ngàn, đất trời như không có giới hạn, làm hiện rõ không gian rộng lớn được bao trùm một màu trắng => màu trắng trở thành phông nền làm nổi bật hình ảnh “ cô má đỏ hây hây”.

- Hình ảnh “Đội bông như thể đội mây về làng” làm cho hình ảnh người lao động trở nên lớn lao, đẹp đẽ.

=> Từ đó tác giả đã khắc họa được vẻ đẹp của người lao động và thể hiện thái độ trân trọng, ngợi ca con người lao động của mình.

**Bµi 2:** Gäi tªn vµ ph©n tÝch hiÖu qu¶ thÈm mÜ cña c¸c biÖn ph¸p tu tõ trong ®o¹n th¬ sau:

Quª h­¬ng t«i cã con s«ng xanh biÕc

N­íc g­¬ng trong soi tãc nh÷ng hµng tre.

T©m hån t«i lµ mét buæi tr­a hÌ

To¶ n¾ng xuèng lßng s«ng lÊp lo¸ng.

**\* Gîi ý:**

- Gäi tªn vµ ph©n tÝch hiÖu qu¶ thÈm mÜ c¸c biÖn ph¸p tu tõ vÒ tõ trong ®o¹n th¬

+) So s¸nh: n­íc (nh­) tÊm g­¬ng trong

+) So s¸nh: t©m hån t«i (lµ) mét buæi tr­a hÌ

+) Nh©n ho¸: soi tãc nh÷ng hµng tre

- Ph©n tÝch ®­îc hiÖu qu¶ thÈm mÜ

+) H×nh ¶nh con s«ng quª h­¬ng hiÖn lªn trong kÝ øc t¸c gi¶ thËt trong trÎo, th¬ méng vµ h÷u t×nh. Nh÷ng hµng tre ®­îc nh©n ho¸ nh­ nh÷ng c« g¸i duyªn d¸ng nghiªng m×nh soi tãc xuèng dßng s«ng. T©m hån lµ kh¸i niÖm trõu t­îng, v« h×nh ®­îc cô thÓ ho¸ qua h×nh ¶nh h÷u h×nh: *buæi tr­a hÌ*.

+) Nhê c¸c biÖn ph¸p tu tõ nµy, t¸c gi¶ diÔn t¶ ®­îc t×nh yªu thiªn nhiªn, ®Æc biÖt lµ t×nh c¶m thiÕt tha, ch¸y báng ®èi víi quª h­¬ng.

**Bµi 3:** Phân tích các biện pháp tu từ trong đoạn thơ sau:

Tiếng chim vách núi nhỏ dần,

Rì rầm tiếng suối khi gần, khi xa.

Ngoài thềm rơi chiếc lá đa,

Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng.

(Đêm Côn Sơn - Trần Đăng Khoa)

\* Gîi ý : HS chỉ ra được các biện pháp tu từ được sử dụng trong mỗi câu thơ và phân tích:

Tiếng chim vách núi nhỏ dần

Nghệ thuật đảo ngữ: từ “vách núi” được đặt lên trước “nhỏ dần” tạo nên sự hài hoà, đăng đối cho câu thơ đồng thời gợi không gian bao la, tĩnh lặng trong đêm ở Côn Sơn. Ta cảm nhận được sự nhỏ bé, cô đơn, lẻ loi của tiếng chim trước sự hùng vĩ của thiên nhiên, núi rừng.

Rì rầm tiếng suối khi gần, khi xa

Nghệ thuật đảo ngữ: từ láy “rì rầm” được đặt lên trước từ “tiếng suối” tạo nên âm điệu dìu dặt, nhịp nhàng, nhấn mạnh âm thanh nhẹ nhàng, êm dịu của tiếng suối lúc gần, lúc xa trong đêm vắng. Câu thơ khắc hoạ bức tranh đêm Côn Sơn vừa thơ mộng vừa huyền ảo và huyền bí .

Ngoài thềm rơi chiếc lá đa

Cũng là nghệ thuật đảo ngữ: động từ “rơi” được đưa lên trước “chiếc lá đa” vừa tạo sự nhịp nhàng cho câu thơ, vừa gợi tả sự vận động thật dịu nhẹ, khẽ khàng của chiếc lá .

Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng

Nghệ thuật ẩn dụ (thuộc kiểu ẩn dụ chuyển đổi cảm giác): “mỏng” chỉ đặc điểm, kích thước của sự vật (được cảm nhận bằng thị giác, xúc giác) 🡪 “mỏng” (tiếng rơi được cảm nhận qua thính giác). Bên cạnh đó, tác giả còn sử dụng nghệ thuật so sánh, miêu tả trạng thái rơi của chiếc lá thật độc đáo “rơi nghiêng”, tạo ra hình ảnh thơ vừa giàu chất tạo hình vừa mang giá trị biểu cảm cao. Chiếc lá đa lìa cành không chỉ được cảm nhận bằng xúc giác, thị giác, thính giác mà bằng cả tâm hồn tinh tế, nhạy cảm của nhà thơ